

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2025

“V/v tranh chấp hôn nhân và G đình
ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Huỳnh Ngọc Lý;

2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thúy Duy, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Gng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Gng tham G phiên tòa:** Bà Trầm Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và G đình thụ lý số: 84/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và G đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 03/6/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Néang Srây C, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 2, ấp Phước An, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Gng (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Chau Ch, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 2, ấp Tà On, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Gng (vắng mặt);

3. Người làm chứng: Bà Néang R, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 2, ấp Phước An, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn tỉnh An Gng (vắng mặt).

4. Người phiên dịch: Ông Chau Kim S ; địa chỉ: Ấp Phnôm Pi, xã Châu Lăng, tỉnh An Gng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được tại Tòa án bà Néang Ra trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2016 bà và ông Ch quen biết nhau do tự tìm hiểu, chúng tôi có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn số 113, ngày 20/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chồng thường xuyên nhậu nhẹt, ghen tuông, không lo cho vợ con. Sau đó vợ chồng về nhà mẹ vợ sinh sống một thời gian nhưng chồng vẫn không bỏ nhậu và đánh vợ nên chồng đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ năm 2019 cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên bà C yêu cầu được ly hôn ông Ch.

Về con chung: Có hai con chung tên Néang Sy Vành G, sinh ngày 17/8/2016 và Chau Chem R H, sinh ngày 02/12/2017. Bà C yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Nhưng ngày 19/3/2025 bà C xác định không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà C tự thỏa thuận, nay bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Néang R cho biết: Bà là mẹ ruột của bà C. Vào năm 2017 vợ chồng sống chung bên nhà vợ sau đó đi Bình Dương nên về mâu thuẫn của vợ chồng bà Phăng thì bà không rõ, nhưng bà xác định vợ chồng bà C ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện tại cháu G và cháu Hu đang do bà và bà C đang nuôi dưỡng và bà C có nghề nghiệp làm công nhân.

Tòa án đã tiến hành đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự cho bị đơn ông Chau Ch. Tuy nhiên, ông Ch vẫn không tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Hội đồng xét xử công bố kết quả xác minh, biên bản lấy lời khai về tình trạng hôn nhân, nơi cư trú của ông Ch.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 227, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của đương sự thì nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng quy định tại Điều 71. Tuy nhiên bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần hai nên không thực hiện Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham G tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Néang Srây C khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Chau Ch có địa chỉ tại tổ 2, ấp Tà On, xã Châu Lãng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Gng nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn và người làm chứng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Ch và bà R. Tuy nhiên ông Che đã vắng mặt lần hai và bà Rurone đã có lời khai cho Tòa án. Xét đây là lần vắng mặt thứ hai của ông Ch nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Vào năm 2016 bà C và ông Ch quen biết nhau do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn số 113, ngày 20/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Châu Lãng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Gng nên đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo Điều 9 Luật hôn nhân và G đình.

Theo lời khai của bà C cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân do chồng thường xuyên nhậu nhẹt, ghen tuông, không lo cho vợ con nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, nay tình cảm không còn bà C yêu cầu được ly hôn.

Theo lời khai của bà Rurone (mẹ ruột của bà C) cho biết: Về mâu thuẫn vợ chồng bà C thì bà không rõ nhưng từ năm 2019 đến nay vợ chồng bà C ly thân cho đến nay. Về con chung thì hiện tại hai cháu G và cháu Hu đang do bà và bà C nuôi dạy, bà C có nghề là công nhân.

Biên bản xác minh tại ấp Phước An xã Ô Lâm và ấp Tà On xã Châu Lãng địa phương cho biết: Vợ chồng Néang Srây C và ông Chau Ch có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Về mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không rõ do không nghe báo. Chỉ biết hiện tại ông Ch đi làm ăn xa nhưng

thỉnh thoảng vẫn đi đi về về ấp Tà On nhưng không có nuôi hai con chung hiện tại hai con chung đang do vợ đang nuôi dưỡng tại ấp Phước An.

Xét thấy, các biên bản xác minh, biên bản lời khai phù hợp với nhau về việc vợ chồng có mâu thuẫn chủ yếu là do ông Ch thường xuyên nhậu nhẹt, ghen tuông, không lo cho vợ con, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời Gñ ly thân 06 năm nay đã quá lâu để hai bên cùng hàn gắn tình cảm nhưng cả hai cũng không thể hàn gắn lại tình cảm. Ông Ch để mặc cho bà Ra tự sinh sống và nuôi con tại địa phương. Cho thấy cuộc sống hôn nhân vợ chồng không còn hạnh phúc.

Cho nên, tình trạng hôn nhân vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C theo Điều 56 Luật hôn nhân và G đình.

[3] *Về con chung*: Có hai con chung tên Néang Sy Vành G, sinh ngày 17/8/2016 và Chau Chem R H, sinh ngày 02/12/2017.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025 bà C có yêu cầu thay đổi là không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con chung. Xét, việc thay đổi yêu cầu của bà C không vượt quá phạm vi khởi kiện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nhận thấy, cháu G và cháu Hu đều đang do bà C chăm sóc ổn định. Đồng thời tại bản tự khai ngày 19/3/2025 thì hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Từ đó để đảm bảo cho môi trường sống của hai cháu được ổn định thì giao hai cháu cho bà C tiếp tục nuôi dạy. Ông Ch không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xét chấp nhận.

Căn cứ Điều 58 Luật hôn nhân và Gia đình thì sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí*: Bà C khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch. Ông Ch không phải chịu án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều

244, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 229, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ câu khởi kiện của bà Néang Srây C.

Về hôn nhân: Bà Néang Srây C được ly hôn với ông Chau Ch

Giấy chứng nhận kết hôn số 113, ngày 20/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý

Về con chung: Bà Néang Srây C được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Néang Sy Vành G, sinh ngày 17/8/2016 và Chau Chem R H, sinh ngày 02/12/2017. Ông Chau Ch không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Néang Srây C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân, G đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0013140 ngày 03/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Ông Chau Ch không phải chịu án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được Go hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực

hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền